

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 160/2024/HN-ST;
Ngày: 25/12/2024;
V/v “Yêu cầu ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân.

2. Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 418/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Cao T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2024, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 20/12/2024, chị Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Cao T cưới nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/7/2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc bình thường, đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn thêm về kinh tế, cách sinh hoạt trong gia đình và đã sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui tạo cơ hội hàn gắn tình cảm gia đình. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với anh T nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Cao T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 02 con chung là cháu Huỳnh Hoàng S, sinh ngày 09/5/2008 và cháu Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 10/5/2012. Do cháu S có nguyện vọng sống với chị, còn cháu L1 có nguyện vọng sống với anh T nên nay ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu S và để cháu L1 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/11/2024, anh Huỳnh Cao T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Ngọc L về thời gian cưới nhau, nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng nhưng anh và chị L xảy ra mâu thuẫn từ tháng 7/2024, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và cũng đã sống ly thân đến nay. Sau khi vợ chồng anh sống ly thân, anh cũng đã chủ động đến gặp chị L để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L không đồng ý. Nay anh vẫn còn thương vợ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Huỳnh Hoàng S, sinh ngày 09/5/2008 và cháu Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 10/5/2012. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L thì anh yêu cầu nuôi cháu S, cháu L1 và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Ngọc L đối với anh Huỳnh Cao T. Về con chung: Để cháu Huỳnh Hoàng S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và để cháu Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 10/5/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Ngọc L và anh Huỳnh Cao T vắng mặt nhưng đều đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Ngọc L và anh Huỳnh Cao T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L và anh T đã sống hạnh phúc đến tháng 7/2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt và kinh tế của gia đình, vì không giải quyết được mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T cũng có tới gặp chị L để tạo cơ hội hàn gắn nhưng chị L vẫn không đồng ý. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh T và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Huỳnh Hoàng S, sinh ngày 09/5/2008 và cháu Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 10/5/2012; Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản lấy ý kiến cháu S, cháu L1 thì cháu S có nguyện vọng sống với mẹ, còn cháu L1 có nguyện vọng sống với cha. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của chị L, biên bản lấy lời khai của anh T thì chị L yêu cầu nuôi cháu S, anh T cũng có nguyện vọng nuôi cháu S, cháu L1. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu S cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và để cháu L1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để không ảnh hưởng tới sinh hoạt hiện nay hai cháu. Chị L, anh T đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc L đối với anh Huỳnh Cao T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Ngọc L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Hoàng S, sinh ngày 09/5/2008. Anh Huỳnh Cao T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Hoàng L1, sinh ngày 10/5/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị L, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004681 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Ngọc L, anh Huỳnh Cao T biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Chí Vũ